

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày: 03 - 6 - 2021
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng
đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Võ Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Mách M, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2. Ông Yah Y, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3. Bà Ha Ly M, sinh năm 1974 (vắng mặt);

4. Bà Pha Ty N, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp D, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

5. Bà Ấy S, sinh năm 1938 (chết ngày 01/10/2018).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ấy S:

5.1. Ông Mách M, sinh năm 1965 (vắng mặt);

5.2. Ông Yah Y, sinh năm 1967 (vắng mặt);

5.3. Bà Ha Ly M, sinh năm 1974 (vắng mặt);

5.4. Bà Pha Ty N, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp D, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N: Ông Mách M1, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp D, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018) (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N: Ông Nguyễn Hữu Đ – Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Số 46/47 L, khóm Q, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Thánh Đường Hồi giáo B; địa chỉ trụ sở: Tổ 15, ấp D, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông A L (Ha Ji A L), sinh năm 1955; chức vụ: Trưởng tiểu ban Thánh đường Hồi giáo B (còn gọi là Giáo cả) (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ trụ sở: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Tuyết M – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền số: 171/UQ-UBND ngày 14/8/2018) (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; địa chỉ trụ sở: Số 82 T, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

3. Cộng đồng H tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 155, tổ 4, ấp S, xã P, thị xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Raccari G; chức vụ: Trưởng ban Ban Đại diện Cộng đồng H tỉnh An Giang (có mặt).

4. Ông Mách T, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp D, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông R – Phó phòng Chính sách Ban Dân tộc tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N (cũng là người

kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ấy S) và người đại diện theo ủy quyền là ông Mách M1 (là con rể của bà Ấy S) cùng trình bày:

Ông Ta L và bà Ấy S là vợ chồng, có con chung là: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N.

Ông Ta L có diện tích 555,9m² đất, nguồn gốc đất do ông, bà để lại trước năm 1975. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là UBND huyện P) cấp quyền sử dụng đất cho ông Ta L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) số: 01... ngày 30/12/2001 diện tích 555,9m² đất ở thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 16, địa chỉ thửa đất: Xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Năm 2002, nhà nước tặng căn nhà tình nghĩa cho ông Ta L (do có 01 người con hy sinh năm 1977), căn nhà cất trên diện tích 555,9m² đất thuộc GCN QSD đất của ông Ta L.

Năm 2010, ông Ta L chết. Năm 2013, ông A L là người đại diện của Thánh đường Hồi giáo B yêu cầu bà Ấy S (là vợ của ông Ta L) di dời nhà, Thánh đường Hồi giáo B có hỗ trợ cho bà Ấy S số tiền 3.000.000 đồng.

Nay ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N (là con của ông Ta L và bà Ấy S) yêu cầu Thánh đường Hồi giáo B phải trả diện tích 555,9m² đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 16 theo GCN QSD đất số: 01... ngày 30/12/2001 do UBND huyện P cấp cho ông Ta L.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Thánh đường Hồi giáo B do người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:

Thánh đường Hồi giáo B có từ trước năm 1975, được xây dựng trên đất có nguồn gốc là của người dân cống hiến, tặng cho (trong đó có phần đất của ông Ha Ji Hăm Z là ông nội của ông Nguyễn Trí D cống hiến cho Thánh đường).

Theo phong tục của dân tộc Chăm theo đạo Hồi, người chết thì được chôn tại phần đất là nghĩa địa chung của đạo Hồi nằm trong khuôn viên Thánh đường.

Sau năm 1975, chuẩn bị xây mới Tòa nhà Thánh đường thì Chiến tranh Biên giới Tây Nam xảy ra, người dân phải di tản nên ngừng thi công Thánh đường. Kết thúc Chiến tranh Biên giới Tây Nam, người dân xây dựng tạm Thánh đường để sinh hoạt. Năm 1990, Thánh đường được xây dựng kiên cố và có kết cấu như hiện nay.

Khi ông Ta L còn sống, Thánh đường cử ông Ta L trông coi Thánh đường (còn gọi là ông từ của Chùa Chăm) nên Thánh đường cho ông Ta L cất tạm căn nhà trên đất của Thánh đường ngang 04m x dài 07m, vị trí giáp lộ (trước nghĩa địa của người Chăm B). Ngoài ra, Thánh đường còn cho ông Sa Lay M (cũng là ông từ của Chùa Chăm) cất nhà ở tạm trên đất của Thánh đường.

Năm 2005, Thánh đường Hồi giáo B kê khai xin cấp GCN QSD đất diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16 và được UBND tỉnh An Giang

chấp nhận cấp quyền sử dụng đất cho Thánh đường Hồi giáo B theo GCN QSD đất số: T.00..nL ngày 29/12/2005, diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất: Xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Thủ tục cấp GCN QSD đất cho Thánh đường Hồi giáo B có ông Ta L ký tên xác nhận.

Sau khi ông Ta L chết, bà Ấy S (là vợ của ông Ta L) tự nguyện di dời căn nhà của ông Ta L ra khỏi đất của Thánh đường; ông Sa Lay M cũng tự nguyện di dời nhà ra khỏi đất của Thánh đường; Thánh đường có hỗ trợ bà Ấy S số tiền 3.000.000 đồng, hỗ trợ ông Sa Lay M số tiền 3.000.000 đồng.

Thánh đường Hồi giáo B sử dụng đất trong phạm vi diện tích 2.997,3m² đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16. Thánh đường Hồi giáo B không lấn chiếm đất của ông Ta L. Nay Thánh đường Hồi giáo B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Theo văn bản đề ngày 14/01/2019, văn bản số: 07/CV-BDD ngày 16/02/2021; đơn kiến nghị đề ngày 22/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện Cộng đồng H tỉnh An Giang là ông Raccari G - Trưởng ban Ban đại diện Cộng đồng H tỉnh An Giang trình bày:

Đất đang tranh chấp là tại vị trí nghĩa địa của Hồi giáo B thuộc quyền sử dụng của Thánh đường Hồi giáo B theo GCN QSD đất do UBND tỉnh An Giang cấp năm 2005 cho Thánh đường Hồi giáo B. Nguồn gốc đất của Thánh đường có từ trước 1975 (do hộ dân hiến tặng).

Theo Luật tín ngưỡng tôn giáo quy định: “*Đất cơ sở tôn giáo, đất cơ sở tín ngưỡng được quản lý và sử dụng theo Luật Đất đai*”. Tại khoản 4 Điều 7 của Luật Đất đai quy định: “*Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất là người đứng đầu cơ sở tôn giáo đối với việc sử dụng đất đã giao cho cơ sở tôn giáo*”. Căn cứ vào GCN QSD đất số T.00...nL ngày 29/12/2005 do UBND tỉnh An Giang cấp, diện tích 2.997,3m² thuộc quyền sử dụng của Thánh đường Hồi giáo B.

Nay Cộng đồng H tỉnh An Giang không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- UBND huyện P: Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.
- UBND tỉnh An Giang: Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông Mách T: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Ông Mách M1 (là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn) và ông Nguyễn Hữu Đ (là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông A L (là người đại diện theo pháp luật của bị đơn) và ông Lê Hùng T (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) cùng trình bày: Thánh đường Hồi giáo B đang sử dụng diện tích 2.997,3m² đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16

theo GCN QSD đất số: T.00...nL ngày 29/12/2005 do UBND tỉnh An Giang cấp cho Thánh đường Hồi giáo B. Nguồn gốc đất do người dân hiến tặng từ trước năm 1975; trình tự, thủ tục cấp GCN QSD đất cho Thánh đường có ông Ta L ký tên. Đất nguyên đơn tranh chấp là ngay vị trí nghĩa địa của người Chăm B thuộc quyền sử dụng của Hồi giáo B trong phạm vi diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16 theo GCN QSD đất số: T.00...nL ngày 29/12/2005 do UBND tỉnh An Giang cấp cho Thánh đường Hồi giáo B. Theo phong tục của người Chăm đạo Hồi, khu nghĩa địa chôn cất người chết là nơi tâm linh. Do đó, toàn bộ người Chăm đều phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Raccari G (là người đại diện theo pháp luật của Cộng đồng H tỉnh An Giang) trình bày: Diện tích 2.997,3m² đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16 thuộc quyền quản lý và sử dụng của Thánh đường Hồi giáo B; Thánh đường Hồi giáo B có quyền quyết định đối với diện tích 2.997,3m² đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16. Cộng đồng H tỉnh An Giang chỉ quản lý và quyết định về tín đồ và người theo tín đồ Hồi giáo; Cộng đồng H tỉnh An Giang không quản lý và không quyết định về tài sản của Thánh đường.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tổ tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Mách M1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Hữu Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm: UBND huyện P; UBND tỉnh An Giang; ông Mách T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hồ sơ địa chính cấp GCN QSD đất cho ông Ta L:

Ông Ta L kê khai xin cấp quyền sử dụng diện tích 555,9m² đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 16 (theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 18/7/2001).

Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất lập ngày 29/9/2000 và Hồ sơ kỹ thuật khu đất của ông Ta L lập ngày 28/12/2001 ghi nhận như sau: Thửa số 4 (diện tích 555,9m²) liền kề với thửa số 3 (diện tích 433,9m² ông Mách T sử

dụng) và thửa số 5 (diện tích 2.997,3m² Thánh đường Hồi giáo B sử dụng); chủ sử dụng đất thửa số 3 (ông Mách T) và chủ sử dụng đất thửa số 5 (Thánh đường Hồi giáo B) đều ký tên xác định ranh giới sử dụng đất của ông Ta L. Từ đó, UBND huyện An Phú cấp GCN QSD đất cho ông Ta L diện tích 555,9m² thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 16 theo GCN QSD đất số: 01013/NL ngày 30/12/2001.

[2.2] Về hồ sơ địa chính cấp GCN QSD đất cho Thánh đường Hồi giáo B:

Thánh đường Hồi giáo B kê khai xin cấp quyền sử dụng đất diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16 (theo các đơn xin cấp GCN QSD đất đề ngày 27/9/2005, ngày 25/10/2005 và ngày 01/12/2005).

Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ngày 31/12/2000 và Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 12/12/2005 ghi nhận như sau: Thửa số 5 (diện tích 2.997,3m²) thuộc thửa số 5 liền kề với các thửa: Số 4 (diện tích 555,9m² ông Ta L sử dụng); số 6 (diện tích 213,6m² bà Ấy S1 sử dụng); số 7 (diện tích 476,8m² ông Ya C sử dụng). Chủ sử dụng các thửa đất: Số 4 (ông Ta L); số 6 (bà Ấy S1); số 7 (ông Ya C) đều có ký tên xác nhận ranh giới sử dụng đất của Thánh đường Hồi giáo B. Từ đó, UBND tỉnh An Giang cấp GCN QSD đất cho Thánh đường Hồi giáo B diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16 theo GCN QSD đất số T.00...nL ngày 29/12/2005.

[2.3] Như vậy, hồ sơ địa chính cấp GCN QSD đất cho ông Ta L diễn ra trước hồ sơ địa chính cấp GCN QSD đất cho Thánh đường Hồi giáo B. Trình tự, thủ tục cấp GCN QSD đất cho Thánh đường Hồi giáo B đúng quy định của pháp luật về đất đai (như: Đơn xin cấp GCN QSD đất; Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất có chủ sử dụng đất kế cận ký tên; Biên bản xét duyệt cấp GCN QSD đất; Danh sách công khai việc cấp GCN QSD đất; Biên bản về việc kết thúc công khai kết quả xét duyệt cấp GCN QSD đất; Tờ trình của UBND xã B; Bản tự rà soát kê khai hiện trạng sử dụng đất là đúng hiện trạng Thánh đường đang sử dụng). Về thực tế sử dụng đất: Thánh đường Hồi giáo B không sử dụng và không lấn, chiếm thửa số 4 (diện tích 555,9m²) của ông Ta L. Từ thời điểm cấp GCN QSD đất cho Thánh đường Hồi giáo B (năm 2005) đến nay không bị khiếu nại về việc cấp GCN QSD đất; khi ông Ta L còn sống cũng không khiếu nại và không tranh chấp với Thánh đường Hồi giáo B.

[2.4] Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ghi nhận như sau: Toàn bộ diện tích đất Thánh đường Hồi giáo B đang sử dụng được xây bó nền cao hơn các thửa đất liền kề và có tường rào kiên cố bao quanh. Hiện trạng tại khu đất tranh chấp (theo sự chỉ dẫn của ông Mách M1 là người đại diện của nguyên đơn) có nhiều ngôi mộ của người Chăm (còn gọi là khu nghĩa địa của Cộng đồng H dân tộc Chăm) và nằm trong khuôn viên hàng rào của Thánh đường đang sử dụng.

[2.5] Theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai (sau đây viết tắt là VPĐKĐĐ) huyện P lập ngày 04/01/2019 ghi nhận: Thánh đường Hồi giáo B đang sử dụng đúng ranh giới diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5 theo GCN QSD đất đã cấp cho Thánh đường Hồi giáo B; thửa số 4 diện tích 555,9m² ngoài khuôn viên đất của Thánh đường Hồi giáo B.

Tuy nhiên, ông Mách M1 (là người đại diện của nguyên đơn) không đồng ý với Bản đồ hiện trạng do VPĐKĐĐ huyện P lập ngày 04/01/2019; ông Mách M1 yêu cầu VPĐKĐĐ tỉnh An Giang đo đạc.

Theo Bản đồ hiện trạng khu đất do VPĐKĐĐ tỉnh An Giang lập ngày 18/11/2020 ghi nhận: Thánh đường Hồi giáo B đang sử dụng đúng ranh giới diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5 theo GCN QSD đất đã cấp cho Thánh đường Hồi giáo B; thửa số 4 diện tích 555,9m² ngoài khuôn viên đất của Thánh đường Hồi giáo B.

Công văn số: 13/TNMT-KN ngày 11/02/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P về việc trả lời khiếu nại của ông Mách M như sau: *“Hồ sơ cấp GCN QSD đất cho ông Ta L theo GCN QSD đất số: 01.../nL ngày 31/12/2001 thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 16 vị trí ngoài khuôn viên Thánh đường. Hiện trạng thửa số 4, tờ bản đồ 16 do ông Mách T đang sử dụng”*.

Như vậy, có cơ sở kết luận Thánh đường Hồi giáo B không sử dụng; không lấn, chiếm thửa đất số 4 (diện tích 555,9m²) của ông Ta L.

[2.6] Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có tài liệu, chứng cứ chứng minh về sự phản đối là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, gồm: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tổng cộng là 10.503.900 đồng (nguyên đơn đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Ấy S (bao gồm: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N) về yêu cầu Thánh đường Hồi giáo B trả diện tích 555,9m² đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 16 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01.../Nl ngày 30/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Ta L; về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00...nL ngày 29/12/2005 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho Thánh đường Hồi giáo B, diện tích 2.997,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất: Xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Ấy S (bao gồm: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N) cùng phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tổng cộng là 10.503.900 đồng (Mười triệu năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm đồng), nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Ấy S (bao gồm: Ông Mách M, ông Yah Y, bà Ha Ly M, bà Pha Ty N) được miễn án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp hộ cận nghèo).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi